

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 721/QĐ-ĐHK ngày 11 tháng 04 năm 2018 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)*

<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>: ĐẠI HỌC</b>
<b>Ngành</b>	<b>: HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ</b>
<b>Mã ngành</b>	<b>: 734 04 05</b>
<b>Tên ngành (Tiếng Anh)</b>	<b>: MANAGEMENT INFORMATION SYSTEMS</b>
<b>Tên chuyên ngành</b>	<b>: TIN HỌC QUẢN LÝ</b>
<b>Tên chuyên ngành (Tiếng Anh)</b>	<b>: INFORMATION TECHNOLOGY FOR MANAGEMENT</b>
<b>Mã chuyên ngành</b>	<b>: 734 04 05 01</b>
<b>Loại hình đào tạo</b>	<b>: Chính quy</b>
<b>Hình thức đào tạo</b>	<b>: Chương trình đào tạo đặc thù</b>

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tin học quản lý trang bị cho người học một cách có hệ thống các kiến thức nền tảng về kinh doanh - quản trị, kế toán - tài chính và hệ thống thông tin (HTTT).

Chương trình đào tạo đặc biệt chú trọng đến kiến thức công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông, với kỹ năng thuần thục các công cụ, kỹ thuật, phương pháp tiếp cận và triết lý cần thiết cho việc tổ chức, thiết kế, tích hợp và ứng dụng thành công CNTT và truyền thông hiện đại vào tiến trình quản lý và kinh doanh thông minh của các tổ chức và doanh nghiệp.

Chương trình đào tạo còn trang bị cho người học những kỹ năng mềm cần thiết như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tư duy - sáng tạo - phân tích - phản biện; ý thức tôn trọng pháp luật, trách nhiệm với bản thân và xã hội; khả năng nghiên cứu độc lập, phát triển chuyên môn liên tục và học tập suốt đời.



## 1.2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên chuyên ngành Tin học quản lý khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

### 1.2.1. Kiến thức

#### *Kiến thức cơ bản*

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản
1	CĐR1	Nắm vững các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị
2	CĐR2	Nắm vững các kiến thức nền tảng về kinh tế - xã hội, kinh doanh - quản lý, kế toán - tài chính
3	CĐR3	Am hiểu những kiến thức cơ bản về toán ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh.

#### *Kiến thức chuyên ngành*

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên ngành
1	CĐR4	Am hiểu quy trình lập kế hoạch và triển khai các dự án công nghệ thông tin
2	CĐR5	Nắm được các nguyên lý căn bản về kỹ thuật lập trình và phát triển các ứng dụng trên các nền tảng khác nhau; có cơ sở toán học trong công nghệ thông tin
3	CĐR6	Nắm bắt được các nguyên lý, cấu trúc và kỹ thuật truyền thông của hệ thống mạng máy tính; am hiểu các nguyên tắc tổ chức, thiết kế và quản trị hệ thống mạng máy tính trong tổ chức vừa và nhỏ
4	CĐR7	Nắm được những kiến thức về việc thu thập, phân tích, xử lý và quản lý HTTT hỗ trợ ra quyết định trong tổ chức quản lý và kinh doanh
5	CĐR8	Am hiểu các nguyên lý trong tổ chức và thiết kế cơ sở dữ liệu, các công cụ quản trị, phân tích và khai thác dữ liệu hỗ trợ ra quyết định trong quản lý và kinh doanh thông minh
6	CĐR9	Am hiểu và phân biệt được các giải pháp và chính sách an toàn thông tin phù hợp cho các HTTT
7	CĐR10	Am hiểu và vận dụng phù hợp các thuật toán tối ưu cho từng bài toán khác nhau trong thực tiễn
8	CĐR11	Nắm bắt các nguyên lý, công cụ dùng để phân tích, đặc tả, phát triển và định giá các HTTT

9	CĐR12	Am hiểu các công cụ và kỹ thuật hiện đại trong thiết kế và xây dựng các website phục vụ các hoạt động quản lý và kinh doanh
10	CĐR13	Thấu hiểu các kiến thức cơ bản về kho dữ liệu và khai phá dữ liệu, qui trình xây dựng, cách thức khai thác và các kỹ thuật khai phá dữ liệu thông dụng nhằm hỗ trợ ra quyết định trong quản lý và kinh doanh.

### 1.2.2. Kỹ năng

#### Kỹ năng cơ bản

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng cơ bản
1	CĐR14	Khả năng soạn thảo các loại văn bản, lập kế hoạch công việc đúng chuẩn mực; khả năng thuyết trình, thuyết phục, lắng nghe, hỗ trợ, chia sẻ thông tin với người khác
2	CĐR15	Khả năng làm việc nhóm và năng lực lãnh đạo như: phác thảo, định hướng, điều khiển; khả năng xây dựng và giải quyết mối quan hệ như: gắn kết, tạo động cơ, đồng cảm, chia sẻ và xử lý xung đột
3	CĐR16	Kỹ năng tổng hợp và đánh giá thông tin từ nhiều nguồn, có tư duy phê phán, giải quyết vấn đề; Khả năng nghiên cứu độc lập, phát triển chuyên môn liên tục và học tập suốt đời
4	CĐR17	Có thể giao tiếp và giải quyết công việc trong môi trường quốc tế với trình độ tiếng Anh IELTS 4.5 (hoặc tương đương) trở lên

#### Kỹ năng nghề nghiệp

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp
1	CĐR18	Kỹ năng lập kế hoạch, đánh giá rủi ro, tính khả thi, khả năng quản lý và lập báo cáo về các dự án CNTT
2	CĐR19	Khả năng thiết kế, tổ chức, quản trị cơ sở dữ liệu và kho dữ liệu; khả năng tổng hợp, phân tích và khai phá dữ liệu nhằm hỗ trợ ra quyết định trong môi trường quản lý và kinh doanh thông minh
3	CĐR20	Kỹ năng đặc tả yêu cầu người dùng, phân tích và thiết kế một HTTT; lựa chọn, sử dụng và phân biện nhằm đánh giá các phương pháp kỹ thuật, phù hợp với từng giai đoạn của vòng đời phát triển hệ thống
4	CĐR21	Khả năng ứng dụng CNTT và truyền thông hiện đại trong phát triển,

		tích hợp, triển khai, kiểm thử các HTTT để đáp ứng với các vấn đề kinh doanh và quản lý
5	CDR22	Kỹ năng tư duy, phân tích và phản biện, nhanh chóng nắm bắt và áp dụng các HTTT khác nhau, phù hợp với bối cảnh tổ chức và doanh nghiệp, và đề xuất các tiêu chuẩn nhằm đánh giá sự thành công của hệ thống như vậy.

### 1.2.3. Thái độ và hành vi

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về thái độ và hành vi
1	CDR23	Năng lực thể hiện hành vi và ra quyết định trên cơ sở cân nhắc các yếu tố đạo đức, phù hợp với các yêu cầu của pháp luật, chuẩn mực chung của xã hội và lợi ích quốc gia Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội. Cụ thể sinh viên phải đạt tối thiểu 50 điểm hoạt động ngoại khóa theo qui định của Trường Đại học kinh tế (theo Quyết định số 749/QĐ ĐHKT ngày 20/4/2017)
2	CDR24	Có tinh thần trách nhiệm với cá nhân và xã hội; có đạo đức nghề nghiệp và trong kinh doanh
3	CDR25	Có thái độ tích cực, tư duy sáng tạo, ý thức đổi mới và vượt khó vươn lên trong công việc.

### 1.3. Cơ hội việc làm

Sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tin học quản lý:

***Có khả năng đảm nhận các công việc sau:***

- Phân tích, thiết kế phần mềm và tích hợp HTTT phục vụ hoạt động kinh doanh và quản lý;
- Kinh doanh, tư vấn và triển khai các sản phẩm và giải pháp CNTT trong kinh doanh và quản lý;
- Quản trị, phân tích và khai thác kho dữ liệu nhằm hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh;
- Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm;
- Quản trị mạng máy tính, cổng thông tin điện tử, website thương mại điện tử và các hệ thống kinh doanh và quản lý thông minh;
- Tư vấn, quản trị các dự án CNTT, và hoạch định chiến lược CNTT (CIO);
- Ứng dụng CNTT trong truyền thông marketing trực tuyến và hữu tuyến;
- Đảm bảo an toàn và bảo mật HTTT trong doanh nghiệp (CSO);

- Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng và các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

***Trong các tổ chức kinh tế - xã hội và kinh doanh như:***

- Các cơ quan, doanh nghiệp chuyên về phát triển, tư vấn, kiểm thử và triển khai ứng dụng phần mềm và giải pháp quản trị doanh nghiệp trên nền tảng CNTT;

- Các doanh nghiệp, tổ chức nhà nước và phi chính phủ có ứng dụng CNTT trong hoạt động sản xuất và điều hành quản lý;

- Các cơ sở giáo dục và đào tạo, các viện và trung tâm nghiên cứu về lĩnh vực quản trị và quản lý.

Ngoài ra, cử nhân chuyên ngành Tin học quản lý có thể tiếp tục theo học chương trình đào tạo sau đại học các chuyên ngành: Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng, Kinh tế phát triển, ... trong và ngoài nước.

**2. Thời gian đào tạo:** Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 133 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THPT, THCN

**5. Quy trình đào tạo:** Hình thức tín chỉ.

**6. Thang điểm:** Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ.



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Ngành:** **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**  
**Chuyên ngành:** **Tin Học Quản Lý**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Đơn vị đảm nhận	
				Trường	DN
	<b>A</b>	<b>HỌC PHẦN CHUNG TOÀN TRƯỜNG (44 TC)</b>	<b>44</b>	<b>44</b>	<b>0</b>
1	SMT1001	Các nguyên lý cơ bản CN Mác – Lê Nin1	2	2	0
2	SMT1002	Các nguyên lý cơ bản CN Mác – Lê Nin2	3	3	0
3	SMT1003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0
4	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	0
5	LAW1001	Pháp luật đại cương	2	3	0
6	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	3	3	0
7	ENG1011	PRE-IELTS 1	3	3	0
8	ENG1012	PRE-IELTS 2	2	3	0
9	ENG1013	IELTS BEGINNERS 1	3	3	0
10	ENG1014	IELTS BEGINNERS 2	2	3	0
11	ENG2011	IELTS PRE-INTERMEDIATE 1	3	3	0
12	ENG2012	IELTS PRE-INTERMEDIATE 2	2	3	0
13	ENG2013	IELTS INTERMEDIATE 1	3	3	0
14	ENG2014	IELTS INTERMEDIATE 2	2	3	0
15	MGT1001	Kinh tế vi mô	3	3	0
16	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	3	3	0
17	MGT1002	Quản trị học	3	3	0
	<b>B</b>	<b>HỌC PHẦN CHUNG KHỎI NGÀNH (30 TC)</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>0</b>
18	ACC1001	Nguyên lý kế toán	3	3	0
19	MKT2001	Marketing căn bản	3	3	0
20	MIS2002	Hệ thống thông tin quản lý	3	3	0
21	HRM2001	Hành vi tổ chức	3	3	0
22	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	3	3	0
23	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	3	3	0
24	MGT2002	Nhập môn kinh doanh	3	3	0
25	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	3	3	0
26	LAW2001	Luật kinh doanh	3	3	0
27	ENG3001	Tiếng Anh kinh doanh	3	3	0
	<b>C</b>	<b>HỌC PHẦN CHUNG CỦA NGÀNH (15 TC)</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	<b>5</b>
28	MIS3001	Cơ sở lập trình	3	2	1
29	MIS2001	Cơ sở dữ liệu	3	2	1
30	MIS3002	Mạng và truyền thông	3	2	1
31	MIS3003	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	3	2	1
32	MIS3004	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3	2	1
	<b>D</b>	<b>HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH</b>			
		<b>Học phần bắt buộc (24 TC)</b>	<b>24</b>	<b>14</b>	<b>10</b>
33	MIS3005	Toán rời rạc	3	3	0
34	MIS3006	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	3	0
35	MIS3007	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	2	1
36	MIS3030	Thực hành Phân tích và Thiết kế HTTT	2	0	2
37	MIS3008	Quản trị cơ sở dữ liệu	3	2	1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Đơn vị đảm nhận	
				Trường	DN
38	MIS3031	Thực hành Quản trị CSDL	2	0	2
39	MIS3021	Kiểm thử phần mềm	3	2	1
40	MIS3010	Lập trình web	3	2	1
41	MIS3032	Thực hành Lập trình ứng dụng doanh nghiệp	2	0	2
		<b>Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau (05</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
42	MIS3023	Lập trình ứng dụng trên thiết bị di động	3	2	1
43	MIS3033	Thực hành Kiểm thử phần mềm	2	0	2
44	MIS3011	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	2	1
45	MIS3034	Thực hành hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	2	0	2
46	MIS3009	Kho và khai phá dữ liệu	3	2	1
47	MIS3035	Thực hành thiết kế kho và phân tích dữ liệu kinh doanh	2	0	2
48	MIS3012	Quản trị mạng	3	2	1
	<b>E</b>	<b>THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP (05 TC)</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>5</b>
49	MIS2010	Thực tập nhận thức	2	0	2
50	MIS2012	Thực tập nghề nghiệp	3	0	3
	<b>F</b>	<b>THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (10 TC)</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
51	MIS4002	Chuyên đề tốt nghiệp	10	0	10
		<b>Tổng cộng</b>	<b>133</b>	<b>85</b>	<b>35</b>

NG  
HỌ  
H T  
C Đ